

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2023/DS- PT

Ngày: 13/6/2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng.”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang.

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Quyết, ông Nguyễn Văn Ngữ.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Lương Thất Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 13/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2023/TLPT-DS Ngày 16/3/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST Ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 66/2023/QĐ-PT Ngày 15/5/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2023/QĐ-PT Ngày 30/5/2023 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V1(Agribank)

Địa chỉ: Số 02 L, phường Th, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Kh – Chủ tịch Hội đồng thành viên Agribank.

Người đại diện theo ủy quyền: Lâm Văn Kh1 – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V1– chi nhánh Khu công nghiệp Đình Trám Bắc Giang

Nhận ủy quyền lại: Bà Trương Thị O– Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V1– chi nhánh Khu công nghiệp Đình Trám Bắc Giang theo Văn bản ủy quyền Ngày 19/5/2023 (có mặt).

Bị đơn: Ông Thân Văn S, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã H1, huyện V, tỉnh Bắc Giang

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Ngô Thị Ng, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Xóm S, thôn H, xã H1, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

2. Ông Nguyễn Dương T, sinh năm 1957 (có mặt).

3. Bà Thân Thị T1, sinh năm 1956 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Xóm Ch, thôn Đ, xã H1, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

4. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố Tr, thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang

5. Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Xóm B, thôn H, xã H1, huyện V, tỉnh Bắc Giang

6. Anh Nguyễn Trọng H2, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Xóm Ch, thôn Đ, xã H1, huyện V

7. Chị Nguyễn Thị H3, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Xóm C, thôn Đ, xã H1, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

8. Chị Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Th, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của chị H3, chị Ch, bà T1, chị H1, anh H2:

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Tr, thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Thị H: Ông Nguyễn Văn Th – Luật sư Công ty Luật TNHH Trường Tín – chi nhánh tại Bắc Giang (có mặt).

* Người kháng cáo: Ông Nguyễn Dương T và chị Nguyễn Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn là Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V1 trình bày:

Theo Hợp đồng tín dụng số: 63601032/HĐTD Ngy 24/5/2006 đã ký giữa Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh khu công nghiệp Đình Trám Bắc Giang (sau đây gọi tắt là Agribank chi nhánh khu công nghiệp Đình Trám Bắc Giang - bên cho vay) và ông Thân Văn S (Bên vay vốn) đã thỏa thuận nội dung sau: Ngân hàng cho ông S vay 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng), mục đích vay vốn: xây dựng nhà hàng kinh doanh ăn uống và công trình phụ trợ. Thời hạn vay: 36 tháng kể từ Ngy 24/6/2006, Ngy nhận tiền vay lần đầu là 05/6/2006. Lãi suất tiền vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 1,25%/tháng (15,0%/năm). Lãi suất được điều chỉnh theo các lần thông báo điều chỉnh lãi suất và Hợp đồng tín dụng dụng bổ sung kèm theo. Dư nợ gốc quá hạn đến Ngy 10/10/2011: 260.000.000 đồng; Số tiền lãi tạm tính đến Ngy

10/10/2011 là: 250.555.583 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi tạm tính đến Ngđ 10/10/2011 là: 1.510.555.583 đồng. Tạm tính đến Ngđ xét xử 17/01/2023 tổng cộng nợ gốc và nợ lãi là: 724.909.444 đồng, trong đó số tiền nợ gốc: 260.000.000 đồng; số nợ lãi: 464.909.444 đồng (trong đó lãi trong hạn: 98.847.222 đồng, lãi quá hạn: 413.062.222 đồng).

Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất tại thửa đất số 08, tờ bản đồ số 09 ở xóm Ch, xã Đ, huyện V, tỉnh Bắc Giang theo Hợp đồng bảo lãnh quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 32B/06 Ngđ 24/5/2006 giữa Agribank khu công nghiệp Đình Trám Bắc Giang với ông Nguyễn Dương T, bà Thân Thị T1 với ông Thân Văn S. Thửa đất trên đã được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 637184 Ngđ 14/12/1998 cho hộ ông Nguyễn Dương T

Ông Thân Văn S đã vi phạm Hợp đồng tín dụng không trả gốc, lãi đúng hạn. Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V1 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Thân Văn S phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 260.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh đến Ngđ trả nợ. Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng thay đổi yêu cầu khởi kiện, buộc ông Thân Văn S và bà Ngô Thị Ng phải liên đới trả nợ Ngân hàng

Trường hợp ông Thân Văn S và bà Ngô Thị Ng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp tại giai đoạn thi hành án để thu hồi nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Bị đơn là ông Thân Văn S trình bày:

Ngđ 05/6/2006, ông có vay của Agribank chi nhánh khu công nghiệp Đình Trám Bắc Giang số tiền 600.000.000 đồng với mục đích kinh doanh nhưng trong thời gian kinh doanh ông không dùng hết số tiền trên, ông đã trả lại Ngân hàng 300.000.000 đồng. Số tiền còn lại ông dùng vào kinh doanh, tuy nhiên trong thời gian kinh doanh không được suôn sẻ, điều kiện của ông bây giờ rất khó khăn nên ông chưa có khả năng thanh toán với Ngân hàng. Ông mong Ngân hàng tạo điều kiện cho ông được thanh toán dần.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Dương T trình bày:

Nguồn gốc thửa đất diện tích 359m² thuộc thửa số 09, tờ bản đồ 08 tại thôn Đ, xã H1, huyện V, tỉnh Bắc Giang do UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông (bà) Nguyễn Dương T có nguồn gốc bố mẹ ông là cụ Nguyễn Dương Lễ và cụ Nguyễn Thị Ngân (đều đã mất) mua lại của người khác. Diện tích ban đầu của thửa đất 710m² (thời điểm này chưa được cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất). Quá trình bố mẹ ông sử dụng, thửa đất biến động còn lại diện tích 359m² sau này để lại cho vợ chồng ông thửa đất này. Năm 1998, gia đình ông được nhà nước cấp sổ đỏ diện tích trên. Do có quan hệ quen biết với ông S nên ông S có đến hỏi mượn sổ đỏ của gia đình ông để vay vốn tại Ngân hàng và làm kinh doanh nhà hàng. Vợ chồng ông đồng ý cho ông S mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 359m². Việc làm thủ tục vay, số tiền vay, nội dung vay vốn giữa ông S và Agribank chi nhánh Khu công nghiệp Đình Trám Bắc Giang như thế nào thì vợ chồng ông không nắm được. Ông S chỉ mang giấy tờ về nhà ông bảo vợ chồng ông ký thì vợ chồng ông ký vào còn nội dung thì ông không biết. Đến khi Ngân hàng đòi nợ thì ông mới nắm được việc ông S vay vốn tại Ngân hàng mà không trả được nợ. Ông xác định ông và vợ ông có ký vào Hợp đồng bảo lãnh quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 32B/06 Ngý 24/5/2006. Chữ ký trong hợp đồng là của vợ chồng ông. Nay, Ngân hàng khởi kiện ông S trả số tiền còn nợ, trường hợp ông S không trả nợ được thì phát mại tài sản bảo đảm của gia đình ông là Quyền sử dụng đất thửa đất số 8, tờ bản đồ số 9, diện tích 359m² tại xóm Ch, thôn Đ, xã H1, huyện V, tỉnh Bắc Giang do UBND huyện V cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 01109 QSDĐ/648/1998/QĐ-UB/H Ngý 14/12/1998 mang tên hộ ông (bà) Nguyễn Dương T và tài sản trên đất thì ông không đồng ý. Ông đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng bảo lãnh quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 32B/06 Ngý 24/5/2006 ký kết giữa bên nhận bảo lãnh là Agribank chi nhánh khu công nghiệp Đình Trám Bắc Giang, bên bảo lãnh – ông Nguyễn Dương T, bà Thân Thị T1, bên được bảo lãnh – ông Thân Văn S là vô hiệu với lý do sau:

- Ngân hàng không tiến hành xem xét thẩm định, định giá tài sản thế chấp. Không đơn vị nào về gia đình ông để thẩm định, định giá tài sản bảo đảm.
- Thời điểm ký kết hợp đồng bảo lãnh các con ông không ký vào hợp đồng bảo lãnh và cũng không biết việc vợ chồng ông mang tài sản đi để thế chấp đảm bảo cho khoản vay của ông S.

Ông yêu cầu Agribank chi nhánh khu công nghiệp Đình Trám trả lại cho gia đình ông giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa số 09, tờ bản đồ 08 do UBND huyện V cấp.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Dương Thị T1 trình bày:
Bà thống nhất với phần trình bày và yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Dương T. Bà không yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – chị Nguyễn Thị H và cũng là đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị H1, anh Nguyễn Trọng H2, chị Nguyễn Thị H3, chị Nguyễn Thị Ch, bà Dương Thị T1 trình bày:

Chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị H1, anh Nguyễn Trọng H2 và chị Nguyễn Thị H3 là các con trai và con gái của ông Nguyễn Dương T và bà Thân Thị T1. Gia đình chị có một thửa đất có diện tích 359m² tại xã H1, huyện V, tỉnh Bắc Giang, được cấp quyền sử dụng đất mang tên hộ ông (bà) Nguyễn Dương T, sổ vào sổ 01109 Ngý 14/12/1998. Việc bố mẹ chị cho ông Thân Văn S mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình để làm tài sản đảm bảo cho khoản vay của ông S tại Agribank chi nhánh khu công nghiệp Đình Trám thì các anh chị đều không biết, ông T cũng không nói gì với gia đình. Đến năm 2009 khi cán bộ Ngân hàng đến phát mại tài sản của gia đình thì khi đó các anh chị mới biết. Các anh chị đều xác định Ngân hàng không đến nhà anh chị thẩm định tài sản mà chỉ có ông S đến và đưa giấy tờ cho bố mẹ anh chị ký, còn các anh chị đều không được ký vào Hợp đồng bảo lãnh.

Nay các anh chị hoàn toàn thống nhất với phần trình bày và yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Dương T, đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng bảo lãnh quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 32B/06 Ngý 24/5/2006 là vô hiệu. Ngoài ra các anh chị đều không yêu cầu gì thêm.

Đối với chị Nguyễn Thị Ch là cháu ruột trong gia đình, đã chuyển khẩu đi từ năm 2015 nên xác định chị Nguyễn Thị Ch không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan trong vụ án này.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà Ngô Thị Ng có lời khai trong hồ sơ trình bày: Bà không biết việc ông S vay tiền của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Lúc vay tiền, ông S cũng không trao đổi gì với bà. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông S trả nợ cho Ngân hàng. Bà xác định không liên quan gì đến việc ông S vay vốn Ngân hàng số tiền trên nên bà không đồng ý trả nợ cùng ông S.

* Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST Ngý 17 tháng 1 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện V đã quyết định:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 157; Điều 158; Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 317, 318, 361, 362, 369, 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 130 Luật đất đai 2003; Điều 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng; Pháp lệnh án phí, lệ phí năm 2009;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V1 đối với bị đơn là ông Thân Văn S:

Buộc ông Thân Văn S và bà Ngô Thị Ng phải liên đới trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V1 tổng số tiền tạm tính đến Ngý 17/01/2023 là: 724.909.444 đồng, trong đó số tiền nợ gốc: 260.000.000 đồng; số

nợ lãi: 464.909.444 đồng (trong đó lãi trong hạn: 98.847.222 đồng, lãi quá hạn: 413.062.222 đồng).

Kể từ Ngy tiếp theo của Ngy xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi suất.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Dương T.

Tuyên bố hợp đồng bảo lãnh số: 32B/06 Ngy 24/6/2006 được ký kết giữa bên nhận bảo lãnh (Agribank chi nhánh khu công nghiệp Đình Trám Bắc Giang), bên bảo lãnh (ông Nguyễn Dương T, bà Thân Thị T1) và bên vay vốn (ông Thân Văn S, bà Thân Thị Ng) là vô hiệu 4/6 đối với phần tài sản của chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị H1, anh Nguyễn Trọng H2, chị Nguyễn Thị H3.

Trường hợp ông Thân Văn S, bà Ngô Thị Ng không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền vay và lãi phát sinh tại Hợp đồng tín dụng số 63601032/HĐTD thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của Luật thi hành án dân sự để thu hồi nợ theo trách nhiệm bảo lãnh của người bảo lãnh, cụ thể tài sản thế chấp theo Hợp đồng bảo lãnh quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất như sau:

Hợp đồng bảo lãnh quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 32B/06 Ngy 24/6/2006 đã ký giữa Agribank chi nhánh khu công nghiệp Đình Trám Bắc Giang (bên nhận bảo lãnh), ông Nguyễn Dương T và bà Thân Thị T1 (bên bảo lãnh) và ông Thân Văn S (bên vay vốn); tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với thửa đất số 8, tờ bản đồ số 9, diện tích 359m² tại xóm Ch, thôn Đ, xã H1, huyện V, tỉnh Bắc Giang do UBND huyện V cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 01109 QSDĐ/648/1998/QĐ-UB/H Ngy 14/12/1998 mang tên hộ ông (bà) Nguyễn Dương T.

Do phần tài sản của chị Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1, anh Nguyễn Trọng H2, chị Nguyễn Thị H3 gắn liền với quyền sử dụng đất và tài sản trên đất nên khi Ngân hàng phát mại tài sản là quyền sử dụng đất thì các tài sản này cũng bị phát mại theo. Nhưng chủ sở hữu về tài sản là chị H, chị H1, anh H2, chị H3 mỗi người sẽ được Ngân hàng trả lại phần tiền tương ứng với 1/6 giá trị tài sản là đất và các tài sản trên đất (được xác định giá tại thời điểm phát mại tài sản)

khi Ngân hàng chuyển giao quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho người khác nếu giữa các bên không có thỏa thuận gì khác.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Thân Văn S, bà Ngô Thị Ng tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V1 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Thân Văn S, bà Ngô Thị Ng phải liên đới chịu 3.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V1 được nhận lại số tiền 3.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đã nộp khi ông Thân Văn S, bà Ngô Thị Ng nộp.

4. Về án phí: Ông Thân Văn S, bà Ngô Thị Ng phải liên đới chịu 32.996.378 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.300.000 đồng. Xác nhận Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V1 12.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2010/002415 Ngy 16/11/2011 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền thi hành án đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngy 19/01/2023, ông Nguyễn Dương T và chị Nguyễn Thị H kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng tuyên Hợp đồng bảo lãnh số 32B/06 Ngy 24/5/2006 vô hiệu toàn bộ và buộc Ngân hàng trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Dương T.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện: Agribank chỉ yêu cầu ông S trả nợ theo đúng nội dung đơn khởi kiện và quan điểm tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và H3 giải. Ông T và chị H giữ nguyên kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Nguyễn Dương T, chị Nguyễn Thị H và Luật sư Nguyễn Văn Th thống nhất trình bày: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản bảo đảm cho khoản vay của ông S là tài sản của hộ gia đình. Việc định đoạt tài sản chung phải được sự đồng ý của tất cả các thành viên trong hộ gia đình. Hợp đồng bảo lãnh số 32B/06 Ngy 24/5/2006 chỉ có chữ ký của ông T, bà T1, không có chữ ký của các thành viên còn lại trong gia đình là vi phạm điều cấm của pháp luật. Việc chứng thực không đảm bảo quy định của pháp luật. Tài sản chung này chưa phân chia

nên không có căn cứ để xác định vô hiệu theo phần. Mặt khác, việc xác định vô hiệu theo phần không đảm bảo khả năng thi hành án. Do vậy, ông T, chị H và Luật sư Th đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm, tuyên bố Hợp đồng bảo lãnh số 32B/06 Ngy 24/5/2006 vô hiệu toàn bộ; trường hợp ông S, bà Ng không trả được nợ cho Ngân hàng, gia đình ông T không đồng ý xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất của gia đình như quyết định của bản án sơ thẩm. Ông S vay trong thời kỳ hôn nhân nên bà Ng phải có nghĩa vụ trả nợ cùng với ông S.

Bà Ngô Thị Ng trình bày: Tại thời điểm ông S vay tiền ngân hàng, bà và ông S đã ly thân. Bà không biết và không tham gia ký bất cứ văn bản giấy tờ gì khi ông S vay vốn tại Ngân hàng Agribank. Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà không được thông báo gì, chỉ được giao bản án. Bà nhất T với việc Ngân hàng rút yêu cầu buộc bà trả nợ. Quá trình ông S mượn sổ đỏ của nhà ông T, bà cũng không biết và không tham gia. Bà đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Tại hợp đồng tín dụng và các tài liệu thể hiện bên vay là cá nhân ông Thân Văn S. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án theo hướng buộc cá nhân ông S trả nợ. Còn đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Ngân hàng đề nghị Tòa án không chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Dương T và chị Nguyễn Thị H, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng buộc cá nhân ông Thân Văn S phải trả nợ cho Ngân hàng; bà Ng không phải chịu chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 200.000 đồng theo Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn và một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa mở lần thứ hai. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt họ là đảm bảo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Dương T và chị Nguyễn Thị H về việc đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên Hợp đồng bảo lãnh số 32B/06 Ngy 24/5/2006 giữa Ngân hàng Agribank – Chi nhánh Khu công nghiệp Đình Trám, Bắc Giang với ông Nguyễn Dương T, bà Thân Thị T1 và ông Thân Văn S vô hiệu toàn bộ thì thấy:

[2.1] Về nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng số: 63601032/HĐTD Ngy 24/5/2006:

Theo Hợp đồng tín dụng số: 63601032/HĐTD Ngy 24/5/2006, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh khu công nghiệp Đình Trám Bắc Giang cho ông Thân Văn S vay 600.000.000 đồng, mục đích vay vốn: xây dựng nhà hàng kinh doanh ăn uống và công trình phụ trợ. Thời hạn vay: 36 tháng kể từ Ngy 24/6/2006, Ngy nhận tiền vay lần đầu là 05/6/2006. Lãi suất tiền vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 1,25%/tháng (15,0%/năm). Tính đến Ngy xét xử sơ thẩm 17/01/2023, ông S còn nợ Agribank tổng cộng nợ gốc và nợ lãi là: 724.909.444 đồng, trong đó số tiền nợ gốc: 260.000.000 đồng; số nợ lãi: 464.909.444 đồng (trong đó lãi trong hạn: 98.847.222 đồng, lãi quá hạn: 413.062.222 đồng). Ông Thân Văn S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại điểm c mục 6.2 Điều 6 của Hợp đồng tín dụng số 63601032/HĐTD mà hai bên đã ký kết Ngy 24/5/2006.

Tại đơn khởi kiện ban đầu và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và H3 giải, đại diện nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân ông Thân Văn S phải trả nợ cho Ngân hàng. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, đại diện của nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, buộc ông S và bà Ng phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng.

Qua xem xét hợp đồng tín dụng và hồ sơ vay vốn, Hội đồng xét xử thấy: bà Ng không tham gia ký kết hợp đồng tín dụng và hồ sơ đề nghị vay vốn tại Ngân hàng. Lời khai của ông Nguyễn Dương T cũng xác nhận: chỉ có ông S sang mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông để vay tiền Ngân hàng. Tại biên bản ghi lời khai của mình, ông S cũng đề nghị Ngân hàng cho “ông” được thanh toán dần. Do vậy, lời khai của bà Ng cho rằng bà không biết, không được bàn bạc và không được sử dụng số tiền ông S vay Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng xác nhận bà Ng không ký kết hợp đồng tín dụng, không tham gia quá trình làm hồ sơ vay vốn của ông Thân Văn S. Ngân hàng xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là buộc cá nhân ông Thân Văn S trả nợ, không có yêu cầu gì đối với bà Ng; trường hợp ông S không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng bảo lãnh số 32B/06 Ngy 24/5/2006 giữa Ngân hàng

Agribank – Chi nhánh Khu công nghiệp Đình Trám, Bắc Giang với ông Nguyễn Dương T, bà Thân Thị T1 và ông Thân Văn S.

Xét thấy việc xác định ai có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng là nội dung có liên quan đến yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm, liên quan đến nội dung kháng cáo của ông T và chị H về hiệu lực của bảo lãnh số 32B/06 Ngý 24/5/2006 giữa Ngân hàng Agribank – Chi nhánh Khu công nghiệp Đình Trám, Bắc Giang với ông Nguyễn Dương T, bà Thân Thị T1 và ông Thân Văn S nên Hội đồng xét xử phúc thẩm cần xem xét, giải quyết để đảm bảo vụ án được giải quyết toàn diện, triệt để.

Từ đánh giá trên, cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng: buộc cá nhân ông Thân Văn S phải trả nợ cho Ngân hàng Agribank số tiền gốc và lãi tính đến Ngý 17/1/2023 là 724.909.444 đồng (trong đó gồm 260.000.000 đồng tiền nợ gốc và 464.909.444 đồng tiền nợ lãi).

[2.2] Về Hợp đồng bảo lãnh số 32B/06 Ngý 24/5/2006 giữa Ngân hàng Agribank – Chi nhánh Khu công nghiệp Đình Trám, Bắc Giang với ông Nguyễn Dương T, bà Thân Thị T1 và ông Thân Văn S:

Tại hợp đồng, các bên thống nhất bên B (ông T, bà T1) dùng tài sản bảo đảm là quyền sử dụng thửa đất số 8, tờ bản đồ số 9, diện tích 359m² tại xóm Ch, thôn Đ, xã H1, huyện V, tỉnh Bắc Giang do UBND huyện V cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 01109 QSDĐ/648/1998/QĐ-UB/H Ngý 14/12/1998 cho hộ ông (bà) Nguyễn Dương T và toàn bộ tài sản gắn liền với đất để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của bên C (ông Thân Văn S) theo hợp đồng tín dụng số 63601032 Ngý 24/5/2006.

Nguồn gốc thửa đất số 8 nói trên là do bố mẹ ông T là cụ Nguyễn Dương Lễ và cụ Nguyễn Thị Ngân (đều đã mất) mua lại của người khác. Diện tích ban đầu của thửa đất 710m² (thời điểm này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Quá trình bố mẹ ông T sử dụng, thửa đất biến động còn lại diện tích 359m² sau này để lại cho vợ chồng ông T tiếp tục sử dụng thửa đất này. Năm 1998, UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông (bà) Nguyễn Dương T đối với thửa đất trên. Thời điểm năm 1998, hộ gia đình ông T có các thành viên gồm ông Nguyễn Dương T, bà Thân Thị T1 (vợ ông T), các con Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Trọng H2, Nguyễn Thị H3 và cháu ruột ông T là Nguyễn Thị Ch. Chị Ch đã chuyển khẩu về gia đình ông T từ lâu, đến năm 2015 thì chị Ch chuyển khẩu đi. Các đương sự đều xác định chị Ch không có liên quan gì đến thửa đất này. Do vậy, đủ cơ sở xác định thửa đất này là của hộ gia đình ông T (6 thành viên).

Thửa đất này là tài sản chung của các thành viên trong gia đình, việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung này phải tuân thủ theo quy định của

pháp luật. Năm 2006, vợ chồng ông Nguyễn Dương T, bà Thân Thị T1 ký kết hợp đồng bảo lãnh quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất với Agribank chi nhánh khu công nghiệp Đình Trám Bắc Giang để đảm bảo cho khoản vay của ông Thân Văn S. Việc ông T, bà T1 dùng tài sản chung có giá trị lớn của hộ gia đình để đảm bảo khoản vay của ông S nhưng không được sự đồng ý, bàn bạc của 4 thành viên trên 15 tuổi khác: chị H, chị H1, anh H2, chị H3 là vi phạm khoản 2 Điều 109 của Bộ luật Dân sự 2005.

Ông T khai chữ ký trong hợp đồng Bảo lãnh là chữ ký của mình và bà T1; mục đích ký để ông S làm thủ tục vay tiền Ngân hàng, không bị ai ép buộc. Do đó, không có cơ sở chấp nhận quan điểm của ông T, chị H về việc ông T, bà T1 bị lừa dối khi ký hợp đồng bảo lãnh.

Hợp đồng bảo lãnh được chứng thực tại UBND xã H1, huyện V, tỉnh Bắc Giang và đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xác định Hợp đồng bảo lãnh số 32B/06 Ngy 24/5/2006 có hiệu lực đối với 2/6 (phần tài sản của ông T, bà T1) và vô hiệu đối với 4/6 (phần của chị H, chị H1, chị H2, chị H3) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 127, Điều 128, Điều 135, Điều 214, Điều 216, Điều 223 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông T, chị H về việc tuyên Hợp đồng Bảo lãnh số 32B/06 Ngy 24/5/2006 vô hiệu toàn bộ.

[3] Về chi phí tố tụng:

Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản: Căn cứ Điều 157, Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự: ông Thân Văn S phải chịu 3.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V1 được nhận lại số tiền 3.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đã nộp khi ông Thân Văn S nộp. Bà Ngô Thị Ng không phải chịu chi phí tố tụng.

Đối với chi phí tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V1 xin tự nguyện nộp cả 4.000.000 đồng chi phí tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú nên không đề nghị xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, ông Thân Văn S phải chịu 32.996.378 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V1 phải chịu 200.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu độc lập của ông T được chấp nhận được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.300.000 đồng. Hoàn trả Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V1 12.100.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2010/002415 Ngy 16/11/2011 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V. Bà Ngô Thị Ng không có nghĩa vụ trả nợ nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Từ những đánh giá, phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, sửa bản án dân sự sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Dương T và chị Nguyễn Thị H, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST Ngy 17/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 157; Điều 158; Điều 144, Điều 147, Điều 148, Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 109, Điều 127, Điều 127, Điều 135, Điều 214, Điều 216, Điều 223 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Pháp lệnh án phí, lệ phí năm 2009; Căn cứ Điều 29 Nghị quyết số 326/NQ – UBTWQH14 Ngy 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Buộc ông Thân Văn S trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V1 tổng số tiền tính đến Ngy 17/01/2023 là: 724.909.444 đồng, trong đó số tiền nợ gốc: 260.000.000 đồng; số nợ lãi: 464.909.444 đồng (trong đó lãi trong hạn: 98.847.222 đồng, lãi quá hạn: 413.062.222 đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 63601032/HĐTD Ngy 24/5/2006 giữa Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn khu công nghiệp Đình Trám, tỉnh Bắc Giang với ông Thân Văn S.

Kể từ Ngy tiếp theo của Ngy xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi suất.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Dương T.

Tuyên bố hợp đồng bảo lãnh số 32B/06 Ngy 24/5/2006 được ký kết giữa bên nhận bảo lãnh (Agribank Chi nhánh khu công nghiệp Đình Trám Bắc Giang), bên bảo lãnh (ông Nguyễn Dương T, bà Thân Thị T1) và bên vay vốn (**ông Thân Văn S**) là vô hiệu 4/6 đối với phần tài sản của chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị H1, anh Nguyễn Trọng H2, chị Nguyễn Thị H3.

3. Trường hợp ông Thân Văn S không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền vay và lãi phát sinh tại Hợp đồng tín dụng số 63601032/HĐTD thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với thửa đất số 8, tờ bản đồ số 9, diện tích 359m² tại xóm Ch, thôn Đ, xã H1, huyện V, tỉnh Bắc Giang do UBND huyện V cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 01109 QSDĐ/648/1998/QĐ-UB/H Ngy 14/12/1998 mang tên hộ ông (bà) Nguyễn Dương T để thu hồi nợ theo Hợp đồng bảo lãnh quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 32B/06 Ngy 24/6/2006 đã ký giữa Agribank chi nhánh khu công nghiệp Đình Trám Bắc Giang (bên nhận bảo lãnh), ông Nguyễn Dương T và bà Thân Thị T1 (bên bảo lãnh) và ông Thân Văn S (bên vay vốn). Chị Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1, anh Nguyễn Trọng H2, chị Nguyễn Thị H3 mỗi người được trả lại phần tiền tương ứng với 1/6 tổng giá trị tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất (được xác định giá tại thời điểm phát mại tài sản) nếu giữa các bên không có thỏa thuận gì khác.

Nếu xử lý tài sản bảo đảm không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Thân Văn S phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V1 cho đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Thân Văn S phải chịu 3.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V1 được nhận lại số tiền 3.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đã nộp khi ông Thân Văn S nộp.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Thân Văn S phải chịu 32.996.378 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V1 phải chịu 200.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.300.000 đồng. Xác nhận Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V1 12.100.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2010/002415 Ngy 16/11/2011 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Dương T và chị Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả chị H số tiền tạm ứng án

phí đã nộp theo Biên lai số 0006764 Ngy 19/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ Ngy tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Toà án nhân dân huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Hương Giang

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương Giang